TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
Chị K và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Cư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm Sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị K**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 11/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị K trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị K và anh Lê văn Đ tự tìm hiểu có quen biết, yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12 năm 1986, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống hạnh

phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2010 thì có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị xin ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kim K, sinh ngày 19/9/1987 và Lê Văn K, sinh ngày 19/12/1997 (đã trưởng thành)

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung, đã tự thỏa thuận và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai đề ngày 21/6/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

- *Về hôn nhân*: Thống nhất với lời trình bày của chị về thời gian chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 1986, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay chị K xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị K.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kim K, sinh ngày 19/9/1987 và Lê Văn K, sinh ngày 19/12/1997 (đã trưởng thành).

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung, đã tự thỏa thuận và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Võ Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và anh Lê Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị Võ Thị K và anh Lê Văn Đ là vợ chồng; về tài sản chung: Chị K và anh Đ đã tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết và về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, chị K chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Võ Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, chị K và anh Đ thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12/1986, có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngoài ra, chị K và anh Đ thống nhất về con chung và tài sản chung. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2] Về hôn nhân: Chị K và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 12/1986, có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại thời điểm tháng 12/1986, chị K chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật và chị k, anh Đ sống chung như vợ chồng đến độ tuổi được đăng ký kết hôn nhưng chị K, anh Đ vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật cho đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa chị K, anh Đ đã vi phạm quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014*"Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Do đó, hôn nhân của chị K và anh Đ không được pháp luật thừa nhận, mà cần tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kim K, sinh ngày 19/9/1987 và Lê Văn K, sinh ngày 19/12/1997 (đã trưởng thành).

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chị K và anh Đ đã tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị K chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị K và anh Lê Văn Đ.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kim K, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1987 và Lê Văn K, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1997 (đã trưởng thành).

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung chị Võ Thị K và anh Lê Văn Đ đã tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Võ Thị K chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004645 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm